

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14 /2021/DS-ST

Ngày: 10/3/2021

“V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán và vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Văn Vinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông **Lâm Ngọc Hà**

2/. Ông **Nguyễn Văn Ngự**

- **Thư ký Tòa án:** Lưu **Thị Thúy Vy**, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 171/2020/TLST-DS, ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST- SD ngày 25 tháng 01 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐST- DS ngày 25/02/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Hồ Thị A**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Hồ Thị A: Ông Ngô Thanh T. Hộ khẩu thường: Số 105/46/14, Nguyễn Thị T, phường B, quận B, thành phố Hồ

Tạm trú: Số 104, ấp B, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Giấy ủy quyền ngày 26/10/2020) (Có mặt)

2. Bị đơn:

Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1976 (Có mặt)

Ông **Đặng Văn M**, sinh năm 1959 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 6 năm 2020; cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn nguyên đơn ông Ngô Thanh T trình bày:

Ngày 15/10/2019, bà Lê Thị T và ông Đặng Văn M đối chiếu công (mua vật tư nông nghiệp và tiền vay) với bà Hồ Thị A, thì bà T và ông M còn nợ bà Hồ Thị A số tiền 108.000.000đ (Trong đó tiền 34.459.000đ; tiền vay

73.541.000đ). Nhiều lần liên hệ với bà T và ông M yêu cầu trả số tiền trên, nhưng bà T và ông M hứa trả, nhưng vẫn không trả, thất hứa rất nhiều lần.

Nay bà A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T và ông M trả số tiền nợ : 108.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Lê Thị T trình bày: Bà thừa nhận ngày 15/10/2019, có đối chiếu công nợ (tiền mua vật tư nông nghiệp và tiền vay) còn nợ bà A số tiền 108.000.000đ (Trong đó tiền 34.459.000đ; tiền vay 73.541.000đ).

Nay bà A yêu cầu bà và ông M trả số tiền 108.000.000đ, bà xin trả mỗi tháng 2.000.000đ, cho đến khi dứt số nợ trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Đặng Văn M, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng ông M đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông.

[2] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 11 tháng 6 năm 2020, cũng như lời trình bày của bà A, thì Hội đồng xét xử xác định lại đây là quan hệ pháp luật "tranh chấp hợp đồng mua bán và vay tài sản", không phải là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản như ban đầu thụ lý đã xác định.

[3] Về nội dung: Bà Hồ Thị A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị T và Đặng Văn M trả số tiền: 159.408.000đ, lãi suất 2%/ tháng tính từ ngày 10/10/2019 đến ngày 31/3/2020 là: 6.288.912đ, tổng cộng: 165.696.912đ.

[4] Tại phiên tòa hôm nay, ông T người đại diện ủy quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu bà Lê Thị T và Đặng Văn M trả số tiền nợ: 108.000.000đ và rút lại một phần yêu cầu đối với số tiền lãi: 57.696.912đ.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, bà Lê Thị T thừa nhận bà và ông Đặng Văn M (chồng) qua đối chiếu còn nợ bà A số tiền: 108.000.000đ (theo bảng đối chiếu công nợ ngày 15/10/2019) và xin trả mỗi tháng 2.000.000đ.

[6] Hội đồng xét xử thấy rằng Hồ Thị A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị T và ông Đặng Văn M trả số tiền nợ: 108.000.000đ và rút lại một phần yêu cầu đối với số tiền lãi: 57.696.912đ là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu của bà Hồ Thị A đối với số tiền: 57.696.912đ.

Còn đối với số tiền: 108.000.000đ, bà A yêu cầu bà Lê Thị T và ông Đặng Văn M trả, thì tại phiên tòa hôm nay bà T thừa nhận, bà và ông M chồng bà còn nợ bà A 108.000.000đ (theo bảng đối chiếu công nợ ngày 15/10/2019), nên yêu cầu của bà Hồ Thị A là có cơ sở chấp nhận một phần.

[7] Từ những nhận định, phân tích trên, Hội đồng xét xử, xét thấy yêu cầu của bà Hồ Thị A là có cơ sở chấp nhận một phần. Do đó áp dụng Điều 430; khoản 1 Điều 431; khoản 1 Điều 433; khoản 1 Điều 440; Điều 463; khoản 1,5 Điều 466; khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc bà Lê Thị T và

ông Đặng Văn M có nghĩa vụ trả cho bà Hồ Thị A số tiền: 108.000.000đ (Một trăm lẻ tám triệu đồng) là có căn cứ.

[8] Về án phí: Bà Lê Thị T và ông Đặng Văn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 5.400.000đ (Năm triệu bốn trăm ngàn đồng), đối với số tiền: 108.000. 000 đồng x 5% = 5.400.000 đồng.

Bà Hồ Thị A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà Hồ Thị A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 4.142.500đ (Bốn triệu một trăm bốn mươi hai ngàn năm trăm đồng), theo biên lai số: 0005248 ngày 24/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147; Khoản 2 Điều 244; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 430; khoản 1 Điều 431; khoản 1 Điều 433; khoản 1 Điều 440; Điều 463; khoản 1,5 Điều 466; khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần đơn yêu cầu của bà Hồ Thị A kiện bà Lê Thị T và ông Đặng Văn M về việc "tranh chấp hợp đồng mua bán và vay tài sản".

Buộc bà Lê Thị T và ông Đặng Văn M phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Hồ Thị A số tiền: 108.000.000đ (Một trăm lẻ tám triệu đồng).

Về án phí: Bà Lê Thị T và ông Đặng Văn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 5.400.000đ (Năm triệu bốn trăm ngàn đồng).

Bà Hồ Thị A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho bà Hồ Thị A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 4.142.500đ (Bốn triệu một trăm bốn mươi hai ngàn năm trăm đồng), theo biên lai số: 0005248 ngày 24/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Hồ Thị A có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Lê Thị T và ông Đặng Văn M còn phải trả lãi cho bà Hồ Thị A theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Vinh